

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 07/2021/DS-PT
Ngày: 25-01-2021
V/v Tranh chấp đất đai

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền, bà Nguyễn Thị Bích Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến, kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2020/TLPT-DS ngày 12/11/2021 về việc “Tranh chấp đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXPT- DS ngày 10/12/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2021/TB-TA ngày 12/01/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm: 1948, trú tại: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mai P, sinh năm 1985; Trú tại: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (theo văn bản ủy quyền ngày 14/9/2020), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q – Luật sư Văn phòng Luật sư An Phát thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Tĩnh, có mặt

- Bị đơn:

1. Ông **Lê Viết H**, sinh năm 1957; Trú tại: số nhà 90, đường Nguyễn Huy Tự, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

2. Ông **Lê Viết C**, sinh năm 1963; Trú tại: tổ 9, phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Viết H**, sinh năm 1957; Trú tại: số nhà 90, đường Nguyễn Huy Tự, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (theo văn bản ủy quyền ngày 30/6/2020), có mặt.

3. Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1965; Trú tại: phường Bắc Hà, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

4. Bà **Lê Thị H1**, sinh năm 1968; Trú tại: xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H, bà Lê Thị H1: Ông **Lê Viết H**, sinh năm 1957; Trú tại: số nhà 90, đường Nguyễn Huy Tự, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (theo văn bản ủy quyền ngày 11/8/2020), có mặt.

5. Ông **Lê Văn H2**, sinh năm 1974; Trú tại: xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Viết H**, sinh năm 1957; Trú tại: số nhà 90, đường Nguyễn Huy Tự, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (theo văn bản ủy quyền ngày 12/8/2020), có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Trần Thị L**, Sinh năm: 1957; Trú tại: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

2. Ông **Lê Viết H**, sinh năm 1957; Trú tại: số nhà 90, đường Nguyễn Huy Tự, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

3. Ông **Lê Viết C**, sinh năm 1963; Trú tại: tổ 9, phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Viết H**, sinh năm 1957; Trú tại: số nhà 90, đường Nguyễn Huy Tự, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (theo văn bản ủy quyền ngày 30/6/2020), có mặt.

4. Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1965; Trú tại: phường Bắc Hà, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt

5. Bà **Lê Thị H1**, sinh năm 1968; Trú tại: xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H, bà Lê Thị H1: Ông **Lê Viết H**, sinh năm 1957; Trú tại: số nhà 90, đường Nguyễn Huy Tự, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (theo văn bản ủy quyền ngày 11/8/2020), có mặt.

6. Ông **Lê Văn H2**, sinh năm 1974; Trú tại: xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt

7. Ông **Lê Văn Cứ**, sinh năm 1961; Trú tại: thôn Trung Hòa, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

8. Ông **Lê Văn N**, sinh năm 1973; Trú tại: thôn Hòa Bình, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

9. Ông **Lê Hợp Q**, sinh năm 1984; Trú tại: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

10. Ông **Lê Văn K**, sinh năm 1957; Trú tại: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

11. Ông **Lê Văn Â**, sinh năm 1986; Trú tại: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

12. Ông **Lê Xuân T**, sinh năm 1967; Trú tại: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

13. Ông **Lê Văn Đ**, sinh năm 1962; Trú tại: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

14. Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1989; Trú tại: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

15. Ông **Lê Đình G**, sinh năm 1954; Trú tại: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

16. Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1981; Trú tại: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

17. Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1984; Trú tại: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

18. Ông **Lê Văn A**, sinh năm 1987; Trú tại: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

19. Ông **Lê Văn Q1**, sinh năm 1989; Trú tại: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

20. Ông **Lê Văn T1**, sinh năm 1999; Trú tại: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

21. Ông **Lê Đình K**, sinh năm 1936; Trú tại: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

22. Ông **Lê Văn C1**, sinh năm 1977; Trú tại: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

23. Ông **Lê T**, sinh năm 1928; Trú tại: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

24. Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1941; Trú tại: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

25. Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1973; Trú tại: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

26. Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1966; Trú tại: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

27. Bà **Lê Thị H3**, sinh năm 1964; Trú tại: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

28. Bà **Lê Thị C**, sinh năm 1967; Trú tại: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

29. Ông **Lê Huỳnh Đ**, sinh năm 1996; Trú tại: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

30. Ông **Lê Văn V**, sinh năm 1970; Trú tại: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn H2, ông Lê Văn C, ông Lê Văn N, ông Lê Hợp Q, ông Lê Văn K, ông Lê Văn Á, ông Lê Xuân T, ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn H, ông Lê Đình G, bà Lê Thị N, bà Lê Thị L, ông Lê Văn A, ông Lê Văn Q1, ông Lê Văn T1, ông Lê Văn C1, ông Lê T, ông Lê Văn T, ông Lê Văn T, bà Lê Thị T, bà Lê Thị H3, bà Lê Thị C, ông Lê Huỳnh Đ, ông Lê Văn V: Ông **Lê Viết H**, sinh năm 1957; Trú tại: số nhà 90, đường Nguyễn Huy Tự, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (theo văn bản ủy quyền ngày 12/8/2020), có mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị H, Sinh năm 1951; Địa chỉ: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T, Sinh năm 1962; Địa chỉ: xóm Liên Đồng, xã Thạch Khê, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị H, Sinh năm 1961; Địa chỉ: thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

4. Ông Lê Trung L – Nguyên chủ tịch UBND xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

- **Đại diện UBND xã H:** Ông Nguyễn Chính Đàn – Chủ tịch UBND xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q và người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Q - bà Nguyễn Thị Mai P trình bày:

Cha mẹ ông Nguyễn Văn Q là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B tạo dựng được thửa đất có diện tích khoảng 1000m² tại xóm Thúy Hội, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Năm 1975, khi nhà nước có chủ trương mở đường đi lại trong thôn xóm từ ngõ nhà ông Trần Hậu K đến ngõ nhà ông Trần Quyết, gia đình ông đã hiến một phần diện tích để mở đường. Do con đường đi qua nên thửa đất bị chia đôi. Cuối năm 1975, ông được giao một phần diện tích (một nửa diện tích đất do con đường bị tách), còn diện tích đất còn lại được giao cho chú ruột là ông Nguyễn Văn N sử dụng. Diện tích gia đình ông sử dụng có vị trí như sau: Phía Tây giáp đường liên thôn, phía Đông giáp đất ông Lê Y, phía Bắc giáp đất ông Bùi Y và phía Nam giáp Hội quán thôn, trên bản đồ 299 thửa đất này là thửa số 693, tờ bản đồ số 2 diện tích 442m², trên bản đồ 371 thửa đất này là thửa số 264 tờ bản đồ số 05, diện tích 396m² mang tên Nguyễn Q do cán bộ chuyên môn ghi sai thực chất là Nguyễn Văn Q có xác nhận của UBND xã, đất thuộc quyền sử dụng của gia đình. Năm 2003 ông Hồ Nhật L nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Lê Y, ông L cho bà C một phần diện tích đất để bà C mở lối đi ra hướng Tây. Sau đó bà C đổ đất làm lối đi trên phần diện tích này. Năm 2005 và 2009 gia đình bà Nguyễn Thị C đổ đất lấn chiếm sang phần diện tích đất gia đình ông do đất chưa xây hàng rào. Năm 2012 bà C làm một ngôi nhà gỗ và xây dựng khoảng 120m² diện tích đất lấn chiếm với vị trí cụ thể: phía Bắc giáp đất ông Y, phía Nam

giáp Hội quán thôn, phía Tây giáp đất còn lại của gia đình ông, phía Đông giáp diện tích đất ông L cho bà C làm đường. Quá trình bà C đổ đất và làm nhà lấn chiếm, gia đình ông đã phản ánh lên các cấp chính quyền địa phương. Ban cán sự thôn và UBND xã đã hòa giải nhiều lần. Ông yêu cầu gia đình bà C trả lại khoảng 120m² đất lấn chiếm, đối với phần đất lấn chiếm chưa có công trình xây dựng thì yêu cầu trả lại đất, đối với phần đất lấn chiếm đã có công trình xây dựng yêu cầu tháo dỡ trả lại đất, trường hợp không tháo dỡ được yêu cầu trả bằng tiền tương ứng với phần đất bị lấn chiếm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quyên trình bày: Có đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh thửa đất theo bản đồ 299 là thửa số 693, tờ bản đồ số 2 diện tích 442m², trên bản đồ 371 là thửa số 264 tờ bản đồ số 05, diện tích 396m² tại thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn Q do cha mẹ để lại. Gia đình bà Nguyễn Thị C đã lấn chiếm diện tích khoảng 120m² của gia đình ông Nguyễn Văn Q do đó yêu cầu bị đơn trả lại khoảng 120m² đất lấn chiếm, yêu cầu tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất.

+ Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án ông Lê Viết H người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị C và là đại diện theo ủy quyền của các đồng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thành viên dòng họ Lê Văn trình bày:

Thửa đất bà C (đã chết) ở và dựng nhà thờ là đất của dòng họ Lê V có từ 16 đời nay, đất chưa có giấy tờ gì. Chồng bà C là tộc trưởng, gia đình khó khăn nên được dòng họ cho về sống trên đất của tổ nghiệp họ Lê V. Chồng bà C là Liệt sỹ nên bà được Nhà nước xây cho ngôi nhà tình nghĩa trên thửa đất. Năm 2003 con C họ Lê V xây cổng ngõ, hàng rào nhưng gia đình ông Q không có ý kiến gì. Tháng 2/2010 các thành viên dòng họ Lê Văn xây nhà sinh hoạt cộng đồng trên thửa đất hơn một năm mới hoàn thành nhưng ông Q bà L cũng không có ý kiến gì. Thửa đất mà ông Q bà L khởi kiện không phải là đất của gia đình ông Q mà là đất trước đây ông Nguyễn Văn Ngụ sinh sống, năm 1975 ông Ngụ chuyển đi thửa đất bị bỏ hoang. Thửa đất chưa có giấy tờ gì, trên bản đồ cũng mang tên Nguyễn Q chứ không phải Nguyễn Văn Q. Bà C và dòng họ Lê Văn không lấn chiếm đất của gia đình ông Q nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L trình bày: Về nguồn gốc đất và diễn biến tranh chấp với bà Nguyễn Thị C đúng như trình bày của ông Nguyễn Văn Q. Đất của gia đình bà, ông Q yêu cầu gia đình bà C trả lại phần đất lấn chiếm bà đồng ý.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị T trình bày: Các bà là em của ông Nguyễn Văn Q, thửa đất tranh chấp có nguồn gốc của bố mẹ cho anh trai là Nguyễn Văn Q và thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị L.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2015, ông Nguyễn Văn N yêu cầu bà C trả lại đất lấn chiếm cho ông Q và không ai có tranh chấp gì liên quan đến quyền sử dụng đất trên với ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị L.

Ông Lê Trung L – Nguyên chủ tịch UBND xã H trình bày: Năm 2011 khi ông làm Phó chủ tịch xã ký một số văn bản thay chủ tịch như báo cáo trả lời đơn thư của công dân số 05/BC-UBND, ngày 02/7/2015 với tư cách chủ tịch ký Công văn số 41/UBND cung cấp thông tin về thửa đất cho Tòa án, ông ký văn bản do cán bộ chuyên môn tham mưu soạn. Đối với nguồn gốc thửa đất tranh chấp từ năm 2000 về trước thửa đất nay không có tranh chấp vì đất trống không ai sản xuất, chưa có người sử dụng do đó không biết được đất của ai. Sau khi ông Ngụ về có nguyện vọng xin lại thửa đất này, qua kiểm tra địa chính xã phát hiện thửa đất trên bản đồ 371 mang tên Nguyễn Q nên không có căn cứ đề cấp cho ông Ngụ. Theo hồ sơ 371 đất mang tên Nguyễn Q, tại thôn T xã H có hai người tên là Nguyễn Q nhưng chỉ có ông Nguyễn Văn Q tranh chấp, còn tên Nguyễn Q do thời đó có phong tục thể tên lấy tên con đặt cho cha và ông Q là con ông Thế mới xảy ra việc này. Ngoài tài liệu 299, 371 thì không có tài liệu nào khác xác định nguồn gốc đất.

- Chủ tịch UBND xã H ông Nguyễn Chính Đ trình bày: Ông giữ chức vụ chủ tịch UBND xã H từ năm 2015, lúc đó hồ sơ các bên đã khởi kiện ra Tòa án. Nội dung liên quan của địa phương và các buổi hòa giải ông không được bàn giao, ông chỉ nắm được một số nội dung khi hai gia đình xảy ra cãi vã xô xát. Theo hồ sơ lưu trữ gồm có hồ sơ 299 lập năm 1984 để xác định nguồn gốc đất trước năm 1984, bản đồ 371 và sổ mục kê đất đai lập từ năm 1993 đến 1994. Đối với thửa đất đang tranh chấp tại hồ sơ 299 là thửa số 693, tờ bản đồ số 2 diện tích 442m² trong hồ sơ không mang tên ai. Trên bản đồ 371 thửa đất này là thửa số 264 tờ bản đồ số 05 có tên Nguyễn Q. Nếu theo hồ sơ đất đang lưu giữ đó sử dụng trước năm 1993 không thể hiện là quyền sử dụng của ai. Nguyễn Q trong bản đồ 371 và Nguyễn Văn Thế là không có cơ sở pháp lý gì. Đối với thửa đất của bà C nằm kề bên, thửa đất này bản đồ 299 mang tên Nguyễn Thị C nhưng bản đồ 371 là Bùi Hùng không phải là Lê Văn Hùng. Ngoài hồ sơ 299 và 371 và bản đồ đo vẽ năm 2014 thì ở địa phương không còn tài liệu lưu giữ nào khác đối với hai thửa đất này. Việc hộ ông Nguyễn Văn Q nộp thuế là do cá nhân kê khai, kê khai nộp thuế là quyền của người sử dụng nếu đất của Ủy ban chưa giao thì đất đó người sử dụng nộp thuế. Nộp thuế không chứng minh được đất của mình, người nào sử dụng năm nào thì nộp thuế cho nhà nước năm đó là đương nhiên chứ không có nghĩa được công nhận quyền sử dụng. Về nội dung tranh chấp đề nghị HĐXX giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Tranh chấp trên đã được giải quyết tại bản án DSST số 07/2020/DS-ST ngày 18-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 91; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q về việc yêu cầu gia đình bà C trả lại khoảng 120m² đất lấn chiếm của gia đình ông.

Ngoài ra, án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 28/9/2020 nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 18-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Nguyễn Văn Q khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị C trả lại khoảng 120m² đất lấn chiếm của gia đình ông, nên xác định tranh chấp đất đai theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú và đối tượng tranh chấp là bất động sản tại thành phố H, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Ngày 28/9/2020, nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo bản án DSST nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự:* Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 25/3/2019 bà Nguyễn Thị C chết. Theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì trường hợp đương sự là cá nhân đang tham gia tố tụng chết mà quyền, nghĩa vụ về tài sản của họ được thừa kế thì người thừa kế tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định người thừa kế của bà Nguyễn Thị C là ông Lê Viết H, ông Lê Văn C, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H1, ông Lê Viết Hậu tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn là đúng quy định.

[1.3]. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐTP ngày 05/3/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để không đưa những người chưa được cung cấp chính xác họ tên địa chỉ của dòng họ Lê Văn vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, quyền, nghĩa vụ của thành viên dòng họ chưa tham gia tố tụng sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu là có căn cứ.

[1.4]. Do thừa đất không thay đổi hiện trạng, các bên đều đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá trước đây, không yêu cầu xem xét thẩm định và định giá lại tài sản. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá ngày 14/8/2015 để làm căn cứ giải quyết vụ án là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1]. *Về nguồn gốc đất:* Theo bản đồ 299 đo vẽ ngày 10/4/1987, thửa đất đang tranh chấp là thửa đất số 693, tờ bản đồ số 02, diện tích 442 m² không ghi

tên chủ sử dụng, không ghi loại đất; bản đồ 371 đo vẽ năm 1994 là thửa số 264, tờ bản đồ số 05, diện tích 396,0m². Trong Sổ mục kê lập năm 1994 thì thửa đất được ghi là đất thổ cư “T” mang tên Nguyễn Q. Theo kết quả thẩm định tại chỗ và đo vẽ bằng máy kỹ thuật số ngày 14/8/2015 thì thửa đất có diện tích 183.6 m². Theo Công văn số 41/UBND ngày 02/7/2015 của Ủy ban nhân dân xã H thửa đất này trước đây ông Nguyễn Văn Ngụ sử dụng đến năm 1975 thì gia đình ông Ngụ về ngoại sống, năm 1984 giao lại cho anh ruột là Nguyễn Văn Thế. Công văn số 41/UBND ngày 02/7/2015 của UBND xã H về việc cung cấp thông tin nguồn gốc đất đai do ông Lê Trung Liên ký với nội dung: *“Đất tranh chấp có nguồn gốc của gia đình ông Nguyễn Văn Ngụ được cấp năm 1964, năm 1975 vợ con ông Ngụ về bên ngoại sống được giao lại cho ông Nguyễn Văn Thế anh trai ông Ngụ, ông Thế trồng rau, đào ao thả cá. Theo UBND xã thửa đất số 264 tờ bản đồ số 05 bản đồ 371 đo vẽ năm 1994 ghi chữ “T” đất thổ cư, ghi tên trong sổ mục kê Nguyễn Q là nguồn gốc của gia đình ông Nguyễn Văn Q”*. Công văn số 05/BC-UBND ngày 23/02/2011 về việc báo cáo trả lời đơn của công dân của UBND xã H gửi UBND thành phố H có nội dung: *“Theo hồ sơ địa chính mảnh vườn ông Ngụ xin cấp lại thửa đất số 264 tờ bản đồ số 05 bản đồ 371 xóm Nam Hội xã H trong sổ mục kê mang tên Nguyễn Q (là anh trai ông Ngụ). Vì vậy, năm 2004, 2005 ông Ngụ về địa phương xin giải quyết nhưng căn cứ Luật đất đai năm 2003 và hồ sơ địa chính thì UBND xã không thể giải quyết được. Hiện nay thửa đất không có nhà ở, người có tên trong hồ sơ địa chính là ông Nguyễn Q đã chết và thửa đất đó chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai”*. Theo kết quả xác minh ngày 31/8/2020 tại UBND xã H và Báo cáo số 91/BC-UBND ngày 14/9/2020 của UBND xã H thửa đất tranh chấp nói trên ngoài trích lục bản đồ 299, 371 thì không có tài liệu chứng minh nguồn gốc đất, đất từ năm 1975 đến nay bỏ hoang, trên đất không có công trình xây dựng như nhà ở, tường rào hay cây lâu niên, không có ai quản lý, sử dụng, không có khuôn viên riêng. Hiện nay tại UBND xã H cũng như cơ quan quản lý nhà nước đất đai thành phố H không có tài liệu nào khác chứng minh thửa đất là của ai.

[2.2] Về xác định người có quyền sử dụng đất:

[2.2.1] Theo hồ sơ cấp giấy chứng tử, giấy chứng minh nhân dân (cha của ông Nguyễn Văn Q) là ông Nguyễn Văn Thế, sinh năm 1921, giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến là Nguyễn Văn Thế, sinh năm 1922. Như vậy, không có tài liệu nào thể hiện là đất cấp cho ông Ngụ, ông Ngụ giao lại cho ông Thế và không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn Thế hay của gia đình ông Nguyễn Văn Q, không có tài liệu chứng cứ chứng minh Nguyễn Q và Nguyễn Văn Q là một người. Do đó, nội dung công văn số 41 và công văn 05 nói trên của UBND xã H nêu nguồn gốc đất là của gia đình ông Nguyễn Văn Q và ông Nguyễn Q là anh trai ông Nguyễn Văn Ngụ là không đúng với sự thật khách quan của tài liệu, chứng cứ nêu trên. Vì vậy, Ông Nguyễn Văn Q cho rằng nguồn gốc đất của cha ông để lại và người có tên trong hồ sơ địa chính Nguyễn Q chính là ông nên là đất của gia đình ông là không có căn cứ.

[2.2.2] Thừa đất bà C (đã chết) ở và dựng nhà thờ theo bà Nguyễn Thị C và đại diện dòng họ Lê Văn khai là thừa đất tổ nghiệp của dòng họ Lê Văn được quyền quản lý sử dụng, bà Nguyễn Thị C chỉ là người được dòng họ cho về sinh sống trên thừa đất để hương khói cho tổ nghiệp. Thừa đất này trên bản đồ 299 thuộc thửa số 697, tờ bản đồ số 02, diện tích 1197 m²; trên bản đồ 371 thuộc thửa số 196, tờ bản đồ số 05, diện tích 1087 m². Theo kết quả kết quả thẩm định tại chỗ và đo vẽ bằng máy kỹ thuật số ngày 14/8/2015 thì thừa đất có diện tích 1414,9m². Thừa đất này trên bản đồ 299 ghi tên Nguyễn Thị C, trên bản đồ 371 và Sổ mục kê ghi tên Bùi Hùng; trong Sổ 05 ghi tên Bùi Hùng. Theo Ủy ban nhân dân xã H thì việc ghi tên như vậy có thể do nhầm lẫn và nguồn gốc thừa đất là do cha ông của ông Lê Viết H để lại, nhà thờ dòng họ Lê Văn đã xây dựng trên thừa đất đã lâu mặc dù trên bản đồ không phản ánh việc có nhà thờ trên đất.

[2.2.3]. Công văn số 890/Tg-KTN ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc vướng mắc liên quan đến đất đai khi thực hiện Chỉ thị 299/TTg gửi UBND tỉnh Hà Tĩnh đồng ý về nguyên tắc việc áp dụng điểm b khoản 1 Điều 50 và khoản 2 Điều 87 của Luật đất đai để công nhận diện tích đất ở cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở trước ngày 18/12/1980 đến nay, sử dụng ổn định, có ranh giới rõ ràng, không có tranh chấp, đã kê khai đăng ký ruộng đất theo Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ. Thừa đất đang tranh chấp, ông Q và bà L không có tài liệu chứng cứ chứng minh là đất thuộc quyền sử dụng của mình hoặc do cha ông để lại, không có nhà ở, công trình xây dựng trên đất, ông Q và bà L sử dụng không ổn định, không có ranh giới và đất đang tranh chấp, không đăng ký kê khai theo chỉ thị nói trên nên không có căn cứ được công nhận diện tích đất ở theo công văn số 890/Tg-KTN. Mặt khác sổ mục kê và Bản đồ 371 không phải là một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 và khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013. Đất không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

[2.3]. Xác định tính hợp pháp của tài liệu, chứng cứ, lời khai của đương sự:

[2.3.1] Ông Lê Trung Liện nguyên chủ tịch UBND xã H thừa nhận có việc ký văn bản do cán bộ chuyên môn soạn thảo sẵn chuyển lên đồng thời cũng thừa nhận ngoài tài liệu bản đồ 299 và 371 thì không có tài liệu gì khác chứng minh nguồn gốc đất.. Do đó, Công văn số 41/UBND ngày 02/7/2015 và Công văn số 05/BC-UBND ngày 23/02/2011 về việc báo cáo trả lời đơn của công dân của UBND xã H gửi UBND thành phố H nêu nguồn gốc đất của gia đình ông Nguyễn Văn Ngụ giao lại cho anh trai là Nguyễn Văn Thê, đất của gia đình ông Nguyễn Văn Q và Nguyễn Q là anh trai của ông Ngụ đều không có căn cứ như nhận định của bản án sơ thẩm là phù hợp.

[2.3.2] Bà Nguyễn Thị Huệ, bà Nguyễn Thị Hương và bà Nguyễn Thị Thái là em của ông Nguyễn Văn Q đều cho rằng thừa đất tranh chấp có nguồn gốc của

thừa đất tranh chấp được bố mẹ cho anh trai là Nguyễn Văn Q và thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị L. Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Huế ông Nguyễn Văn Ngu yêu cầu bà C trả lại đất lấn chiếm cho ông Q và không ai có tranh chấp gì liên quan đến quyền sử dụng đất trên với ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị L. Nhưng ông Ngu, bà Huệ, bà Hương và bà Thái cũng không xuất trình tài liệu chứng cứ chứng minh đó là đất do cha chú để lại cho ông Q. Do đó, lời khai của ông Ngu, bà Huệ, bà Hương và bà L không có căn cứ.

[2.3.3]. Ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị L cho rằng hàng năm ông bà đóng thuế sử dụng đất và giao nộp biên lai thu thuế nhà đất ngày 08/10/2014 truy thu thuế nhà đất từ năm 2004 đến 2011, biên lai thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ngày 14/4/2014 thu các năm 2012, 2103, 2014, biên lai thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 2015, biên lai thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp từ năm 2017, 2018, 2019, 2020. Theo kết quả xác minh tại UBND xã H thì việc nộp thuế chỉ có tờ khai của người nộp thuế bà Trần Thị L, hồ sơ đất đai không có căn cứ chứng minh quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị L, việc nộp thuế chỉ bắt đầu từ ngày 08/10/2014 thời điểm thừa đất đã xảy ra tranh chấp. Mặc dù đất từ năm 1975 đến nay bỏ hoang, trên đất không có công trình xây dựng như nhà ở, tường rào hay cây lâu niên, không có ai quản lý, sử dụng nên việc thu thuế nói trên là không đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chủ tịch UBND xã H có ý kiến việc thu thuế không phải là căn cứ để chứng minh quyền sử dụng đất của người nộp thuế, biên lai nộp thuế không phải là tài liệu chứng minh quyền sử dụng đất. Do đó, việc đóng thuế do ông Q khai không phải là căn cứ chứng minh thừa đất sử dụng ổn định và thuộc quyền sử dụng đất của mình. Vì vậy, việc nộp thuế nói trên không có giá trị chứng minh thời điểm bắt đầu sử dụng đất ổn định để làm căn cứ xác định việc sử dụng đất ổn định theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

[2.4]. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn Q, người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bà Trần Thị L cũng như những người làm chứng, người liên quan đến thừa đất cho rằng thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị L. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Q là bà Nguyễn Thị Mai Phương và bà Trần Thị L đều thừa nhận hiện trạng đất không có công trình xây dựng hay cây lâu niên và không có hàng rào khuôn viên. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/8/2015 và bản vẽ chồng ghép bản đồ 371 với trích đo hiện trạng đất thì diện tích đất tranh chấp là 100m². Tuy nhiên, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ và chứng minh được quyền sử dụng của mình đối với thừa đất tranh chấp theo bản đồ 299 thuộc thửa đất số 693, tờ bản đồ số 02; trên bản đồ 371 thuộc thửa số 264. Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự đương sự có quyền và nghĩa vụ giao nộp chứng cứ và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Kết quả xác minh thu thập tài liệu chứng cứ không có tài liệu chứng minh quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Q và Trần Thị L đối với thừa đất trên. Do

đó, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q yêu cầu gia đình bà C trả lại khoảng 120m² đất lấn chiếm của gia đình là không có căn cứ như phán quyết của Tòa án sơ thẩm là có cơ sở và đúng pháp luật. Vì vậy, cấp phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Bác toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L, giữ nguyên bản án DSST số 07/2020/DS-ST ngày 18-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 91; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q về việc yêu cầu gia đình bà C trả lại khoảng 120m² đất lấn chiếm của gia đình ông.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn Q được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.
- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TA, THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Lệ Thu